

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023, DỰ KIẾN CHỈ TIÊU ĐẠT ĐẾN NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Kế hoạch sốngày/...../2023 của UBND huyện Gio Linh)

STT	Nội dung/Chỉ tiêu đạt vào năm 2025 theo Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy	Chỉ tiêu đơn vị đạt năm 2022	Chỉ tiêu đạt năm 2023	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2024	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2025	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
I	Cải cách thể chế					
1	100% văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) tham mưu ban hành/ban hành đúng pháp luật, đồng bộ, thống nhất theo các văn bản của Trung ương và có tính khả thi cao, công khai, dễ tiếp cận.	100%	100%	100%	100%	
2	Hoàn thành 100% nội dung thực hiện theo dõi thi hành pháp luật hàng năm theo Kế hoạch được phê duyệt.	100%	100%	100%	100%	
3	Thực hiện xử lý 100% văn bản QPPL được yêu cầu xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát.	100%	100%	100%	100%	
II	Cải cách thủ tục hành chính					
1	100% TTHC cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, bao gồm TTHC của các cơ quan ngành dọc đã được phê duyệt theo Quyết định số 1291/QĐ/TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ (trừ các TTHC đặc thù đã được phê duyệt thực hiện theo hình thức khác của cấp có thẩm quyền) được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm PVHCC và bộ phận một cửa, một cửa liên thông cấp huyện, cấp xã.	90%	95%	97%	100%	

STT	Nội dung/Chỉ tiêu đạt vào năm 2025 theo Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy	Chỉ tiêu đơn vị đạt năm 2022	Chỉ tiêu đạt năm 2023	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2024	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2025	Ghi chú
2	100% hồ sơ tiếp nhận được cập nhật vào phần mềm một cửa điện tử của tỉnh.	100%	100%	100%	100%	
3	100% TTHC, danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh được công bố đầy đủ, kịp thời và nhập, đăng tải công khai TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC sau khi công bố.	100%	100%	100%	100%	
4	Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng Dịch vụ công, Cổng thông tin điện tử của tỉnh;	90%	93%	95%	100%	
5	90% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.	90%	90%	90%	90%	
6	Năm 2022, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; các năm tiếp theo, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính, đến năm 2025 đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	Cấp huyện: 34% Cấp xã: 10%	Cấp huyện: 40% Cấp xã: 40%	Cấp huyện: 50% Cấp xã: 50%	Cấp huyện: 100% Cấp xã: 100%	
7	80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài	40%	50%	70%	80%	

STT	Nội dung/Chỉ tiêu đạt vào năm 2025 theo Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy	Chỉ tiêu đơn vị đạt năm 2022	Chỉ tiêu đạt năm 2023	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2024	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2025	Ghi chú
	liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.					
8	Cắt giảm ít nhất 25% thời gian giải quyết TTHC so với quy định.	10%	15%	20%	25%	
9	Tỷ lệ số lượng hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn và trước hạn hàng năm đạt từ 99% trở lên.	99,6%	99%	99%	99%	
10	Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.	20%	60%	70%	80%	
11	Tối thiểu 100% TTHC của tỉnh có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4.	80%	90%	95%	100%	
12	Ít nhất 80% TTHC trực tuyến mức độ 3 và 4 được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia.	70%	75%	80%	80%	
13	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.	30%	35%	40%	50%	
14	100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.	80%	90%	95%	100%	
15	Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến.	30%	50%	60%	80%	
16	Tỷ lệ hồ sơ giao dịch thanh toán trực tuyến của các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính đạt từ 30% trở lên.	10%	20%	25%	30%	

STT	Nội dung/Chỉ tiêu đạt vào năm 2025 theo Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy	Chỉ tiêu đơn vị đạt năm 2022	Chỉ tiêu đạt năm 2023	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2024	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2025	Ghi chú
17	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%.	90%	90%	90%	90%	
18	Mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.	85%	85%	85%	85%	
19	Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ y tế đạt tối thiểu 85%.	85%	85%	85%	85%	
20	Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ giáo dục đạt tối thiểu 85%.	85%	85%	85%	85%	
III	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước					
1	Giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.	5%	7%	9%	10%	
2	Giảm tối thiểu 5% biên chế hành chính so với năm 2021.	5%	5%	5%	5%	
3	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS) đạt tối thiểu 90%;					Chỉ tiêu cấp tỉnh
IV	Cải cách chế độ công vụ					
1	100% CBCCVV ứng dụng CNTT thành thạo trong xử lý công việc	100%	100%	100%	100%	
2	Tối thiểu 95% CBCCVV được đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo hiệu quả công việc.	100%	100%	100%	100%	

STT	Nội dung/Chỉ tiêu đạt vào năm 2025 theo Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy	Chỉ tiêu đơn vị đạt năm 2022	Chỉ tiêu đạt năm 2023	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2024	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2025	Ghi chú
3	100% cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí công chức, viên chức đúng vị trí việc làm, khung năng lực đã được phê duyệt.	100%	100%	100%	100%	
4	100% cán bộ, công chức được bồi dưỡng theo chức danh quy định.	100%	100%	100%	100%	
5	100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn trình độ cao đẳng, đại học theo quy định.	100%	100%	100%	100%	
6	Từng bước thực hiện sát hạch CBCCVV định kỳ					Thực hiện theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền
V	Cải cách tài chính công					
1	Tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.	6,12%	4,17%	4,17%	4,17%	Do sáp nhập Trung tâm PT Cụm CN và KC với Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ
2	100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.	0	0	0	1	Trung tâm MT&ĐT

STT	Nội dung/Chỉ tiêu đạt vào năm 2025 theo Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy	Chỉ tiêu đơn vị đạt năm 2022	Chỉ tiêu đạt năm 2023	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2024	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2025	Ghi chú
3	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp năm sau tăng hơn năm trước liền kề.					Chỉ tiêu cấp tỉnh
VI	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số					
1	100% báo cáo của các sở, ngành, UBND cấp huyện báo cáo lên hệ thống báo cáo của tỉnh đúng quy định	100%	100%	100%	100%	
2	100% UBND cấp huyện thực hiện họp thông qua hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của UBND tỉnh và các cuộc họp của UBND.	100%	100%	100%	100%	
3	Hệ thống theo dõi, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của UBND và Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao, hiển thị 100% theo thời gian thực.	100%	100%	100%	100%	
4	100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.	100%	100%	100%	100%	
5	Ít nhất 80% các hệ thống thông tin của địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.	80%	80%	80%	80%	
6	Trên 95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, trên 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện, trên 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ	Cấp huyện: 90% Cấp xã: 80%	Cấp huyện: 90% Cấp xã: 80%	Cấp huyện: 90% Cấp xã: 80%	Cấp huyện: 90% Cấp xã: 80%	

STT	Nội dung/Chỉ tiêu đạt vào năm 2025 theo Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy	Chỉ tiêu đơn vị đạt năm 2022	Chỉ tiêu đạt năm 2023	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2024	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2025	Ghi chú
	sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).					
7	Ít nhất 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	50%	50%	50%	50%	
8	Hoàn thành 100% các nội dung thực hiện về chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ để xây dựng Chính quyền điện tử và Chính quyền số nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan HCNN các cấp.	100%	100%	100%	100%	
9	Thực hiện đạt 100% nội dung hoạt động của Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của tỉnh; 100% mô hình đô thị thông minh được triển khai theo kế hoạch (TP Đông Hà, TX Quảng Trị).					Chỉ tiêu cấp tỉnh
VII	Chỉ tiêu thực hiện các Chỉ số					
1	Chỉ số PAR INDEX và PAPI thuộc nhóm 20 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước.					Chỉ tiêu cấp tỉnh
2	Chỉ số PCI PAPI thuộc nhóm tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành khá của cả nước.					Chỉ tiêu cấp tỉnh
VIII	CCHC tác động đến phát triển KT-XH của địa phương					
1	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh tăng so với năm trước liền kề					Chỉ tiêu cấp tỉnh

STT	Nội dung/Chỉ tiêu đạt vào năm 2025 theo Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy	Chỉ tiêu đơn vị đạt năm 2022	Chỉ tiêu đạt năm 2023	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2024	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2025	Ghi chú
2	Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường tăng so với năm trước liền kề					Chỉ tiêu cấp tỉnh
3	Số vốn đăng ký của doanh nghiệp tăng so với năm trước liền kề					Chỉ tiêu cấp tỉnh
4	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp tăng so với năm trước liền kề					Chỉ tiêu cấp tỉnh
5	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh tăng so với năm trước liền kề					Chỉ tiêu cấp tỉnh
6	Thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND giao đạt 100%					Chỉ tiêu cấp tỉnh
IX	Công tác chỉ đạo, điều hành					
1	100% các văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác cải cách hành chính được ban hành đầy đủ, kịp thời và đảm bảo về chất lượng nội dung	100%	100%	100%	100%	
2	Thực hiện đạt hiệu quả 100% các nội dung công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 và hàng năm theo kế hoạch đã được phê duyệt.	100%	100%	100%	100%	
3	Mỗi cơ quan, đơn vị có từ 2-3 sáng kiến, giải pháp/năm được triển khai thực hiện có hiệu quả về công tác cải cách hành chính.	03 sáng kiến	03 sáng kiến	03 sáng kiến	03 sáng kiến	
4	Có kế hoạch và giải pháp cải thiện Chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị và các Chỉ số của tỉnh: Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI, PCI.	Kế hoạch hàng năm	Kế hoạch hàng năm	Kế hoạch hàng năm	Kế hoạch hàng năm	

